

Công trình được hoàn thành tại: **HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

Người hướng dẫn khoa học:

**1. TS. Nguyễn Văn Bình**

**2. TS. Bùi Tiến Hanh**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Phản biện 3: .....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện họp tại  
..... Vào hồi      giờ      ngày      tháng      năm

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**



**HOÀNG THỊ THU KHANH**

**KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN  
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC  
TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM**

**Ngành đào tạo: Tài chính - Ngân hàng**

**Mã ngành: 9340201**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**HÀ NỘI - NĂM 2026**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi; các tư liệu, số liệu và kết quả nghiên cứu là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

**Tác giả**

**Hoàng Thị Thu Khanh**

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
MỤC LỤC.....	ii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT .....	v
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	vi
DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ, HÌNH.....	viii
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.....	1
2. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án .....	3
3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án.....	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu của luận án .....	5
6. Những đóng góp mới của luận án .....	5
7. Kết cấu của luận án .....	7
<b>CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM VỀ KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ</b> .....	<b>8</b>
1.1. CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ..	8
1.2. KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ .....	8
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số.....	8
1.2.2. Quy trình và nội dung kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số.....	9
1.2.3. Các tiêu chí đánh giá kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số.....	9
1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số.....	9

<b>1.3. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM.....</b>	<b>9</b>
1.3.1. Kinh nghiệm quốc tế kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số .....	9
1.3.2. Bài học rút ra cho Việt Nam .....	9
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM .....</b>	<b>10</b>
<b>2.1. KHÁI QUÁT VỀ KHO BẠC NHÀ NƯỚC VÀ THỰC TRẠNG CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM.....</b>	<b>10</b>
<b>2.2. THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 .....</b>	<b>10</b>
2.2.1. Cơ sở pháp lý kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025.....	
2.2.2. Thực trạng kiểm soát cam kết chi .....	10
2.2.3. Thực trạng kiểm soát tạm ứng .....	11
2.2.4. Thực trạng kiểm soát thanh toán .....	12
2.2.5. Thực trạng chuyển đổi số trong kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.....	111
<b>2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025.....</b>	<b>14</b>
2.3.1. Những kết quả đạt được .....	14
2.3.2. Những hạn chế tồn tại.....	14
2.3.3. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế tồn tại.....	14

<b>CHƯƠNG 3. HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM</b> .....	16
3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHO BẠC NHÀ NƯỚC VÀ QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045.....	16
3.1.1. Định hướng phát triển KBNN đến năm 2030, tầm nhìn 2045.....	16
3.1.2. Quan điểm và định hướng hoàn thiện kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.....	16
3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045.....	16
3.2.1. Tham mưu và đề xuất hoàn thiện cơ chế chính sách.....	16
3.2.2. Hoàn thiện quy trình kiểm soát CTX NSNN qua KBNN theo phương thức “hậu kiểm” thông qua hoạt động kiểm tra chuyên ngành chi NSNN qua KBNN dựa trên kết quả đánh giá chất lượng, phân loại rủi ro đơn vị sử dụng ngân sách giao dịch với KBNN .....	16
3.2.3. Xây dựng hệ sinh thái kho bạc số cho kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước .....	17
3.2.4. Phát triển nguồn nhân lực số cho chuyển đổi số kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số.....	17
3.2.5. Giải pháp hỗ trợ khác .....	17
3.3. KIẾN NGHỊ.....	18
3.3.1. Kiến nghị với Chính phủ.....	18
3.3.2. Kiến nghị với Bộ Tài chính .....	18
3.3.3. Kiến nghị với chính quyền địa phương .....	18
3.3.4. Kiến nghị đối với các đơn vị dự toán .....	18
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>19</b>



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Ở Việt Nam, KBNN là đơn vị thuộc Bộ Tài chính (BTC), có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng BTC quản lý nhà nước về quỹ NSNN và là chủ thể kiểm soát CTX NSNN qua KBNN. Các đơn vị SDNS là khách thể và hồ sơ, chứng từ chi NSNN... là đối tượng trong kiểm soát CTX NSNN qua KBNN.

Trong suốt giai đoạn 2021-2025, với vai trò là chủ thể kiểm soát chi NSNN, KBNN đã luôn khẳng định được vai trò quan trọng góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý quỹ NSNN. Theo quy định tại khoản 5 Điều 56 Luật NSNN số 83/2015/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành, KBNN kiểm tra tính hợp pháp của các tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật và thực hiện chi ngân sách khi khoản chi NSNN đã có trong dự toán ngân sách được giao. Đối với CTX NSNN qua KBNN phải bảo đảm đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trường hợp các cơ quan, đơn vị đã được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí thì thực hiện theo quy chế chi nội bộ và phù hợp với dự toán được giao tự chủ. Ngày 25/6/2025, Quốc hội khóa XV đã chính thức thông qua Luật NSNN số 89/2025/QH15 thay thế cho Luật NSNN số 83/2015/QH13 và có hiệu lực từ niên độ ngân sách 2026, đã bãi bỏ các nội dung không còn phù hợp với thực tiễn, cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục trong các khâu lập dự toán, chấp hành NSNN và quyết toán NSNN; tiếp đến là Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước đã quy định đơn giản quy trình, rút gọn thủ tục kiểm soát chi NSNN, KBNN “Căn cứ hồ sơ đề nghị chi của Thủ trưởng đơn vị SDNS, KBNN kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với dự toán đã giao cho đơn vị và thực hiện thanh toán theo đề nghị”.

Cùng với đó là sự chuyển đổi mô hình tổ chức bộ máy của KBNN thực hiện theo mô hình 02 cấp và được sắp xếp, tổ chức lại thành 20 KBNN khu vực tại

Quyết định số 385/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của bộ tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của KBNN; tiếp đến Quyết định số 2020/QĐ-BTC ngày 11/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của quyết định số 385/QĐ-BTC ngày 26/02/2025 của bộ tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của KBNN; nguồn nhân lực là yếu tố then chốt của mọi then chốt, là động lực, yếu tố quan trọng chính yếu giúp vận hành bộ máy nhà nước, Chính phủ, Ngành tài chính và Lĩnh vực KBNN nói riêng. Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, cuộc CMCN 4.0 mang đến cả cơ hội và thách thức to lớn cho các quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Khi chuyển đổi số không chỉ là xu thế mà còn trở thành “yếu tố sống còn” để phát triển bền vững trong kỷ nguyên số, Việt Nam xác định rõ bốn trụ cột quan trọng là thể chế số, môi trường số, kinh tế số và xã hội số, trong đó, trụ cột thể chế số như một bệ đỡ cho ba trụ cột còn lại. “Chuyển đổi số, bắt đầu từ những đột phá công nghệ số, nhưng chuyển đổi số không phải chỉ là công nghệ số, mà quan trọng hơn, chuyển đổi số là chấp nhận cái mới, do đó, chuyển đổi số là cuộc cách mạng về tư duy, nhận thức, thể chế chính sách nhiều hơn là một cuộc cách mạng về công nghệ”. Hòa cùng dòng chảy chuyển đổi số quốc gia, KBNN đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng nền tảng số, tăng cường tích hợp, kết nối, chia sẻ và liên thông dữ liệu chi NSNN, thực hiện DVCTT toàn trình, tích hợp với phần mềm kế toán của đơn vị SDNS, điện tử hóa toàn bộ quy trình kiểm soát, nghiên cứu thực hiện lưu trữ điện tử, ... Theo đó, trong điều kiện chuyển đổi số, mối quan hệ tác động qua lại giữa KBNN với đơn vị SDNS sẽ ngày càng được tự động hóa, minh bạch và hiệu quả hơn và hướng tới nền hành chính hiện đại, nâng cao chất lượng phục vụ.

Chính vì vậy, tác giả lựa chọn đề tài “*Kiểm soát chi thường xuyên NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số ở Việt Nam*” làm luận án Tiến sĩ. Việc nghiên cứu đề tài này góp phần đáp ứng đòi hỏi thực tiễn về đẩy mạnh chuyển đổi số kiểm soát CTX NSNN qua KBNN.

## **2. Tổng quan các nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án**

### **2.1. Các nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án**

*2.1.1. Các nghiên cứu về kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số*

*2.1.2. Các nghiên cứu về kiểm soát tạm ứng chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số*

*2.1.3. Các nghiên cứu về hiện đại hóa, số hóa, chuyển đổi số kiểm soát thanh toán chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước*

### **2.2. Đánh giá các nghiên cứu liên quan và định hướng nghiên cứu luận án**

#### *2.2.1. Đánh giá các nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án*

*Về lý thuyết*, các nghiên cứu nêu trên đã hệ thống hóa nghiên cứu về kiểm soát chi NSNN nói chung.

*Về thực tiễn*, các nghiên cứu tổng hợp, phân tích thực tiễn kiểm soát chi NSNN tại một số quốc gia và thực tiễn kiểm soát CTX NSNN qua KBNN ở Việt Nam.

*Về giải pháp*, các nghiên cứu đã đề xuất hệ thống giải pháp hoàn thiện kiểm soát CTX NSNN qua KBNN.

#### *2.2.2. Khoảng trống của các nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án*

*Thứ nhất*, các nghiên cứu có liên quan chưa hệ thống hóa lý luận về kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số.

*Thứ hai*, chưa có nghiên cứu nào nêu được đặc trưng kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số.

*Thứ ba*, các nghiên cứu có liên quan chưa tập trung nhiều vào giải pháp hoàn thiện kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số; chưa có giải pháp gắn với yêu cầu thực tiễn khi sắp xếp đơn vị hành chính và vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

#### *2.2.3. Định hướng nghiên cứu của luận án*

Định hướng nghiên cứu đề tài luận án của NCS là nghiên cứu những vấn đề

lý luận, thực tiễn và giải pháp hoàn thiện kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số; đề xuất hệ thống giải pháp gắn với yêu cầu chuyển đổi số, những quy định pháp luật mới liên quan nội dung, quy trình, thủ tục kiểm soát CTX NSNN qua KBNN; đáp ứng yêu cầu mới đột phá về thể chế tại Luật NSNN số 89/2025/QH15 và gắn với thực tiễn khi sắp xếp đơn vị hành chính và vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp ở Việt Nam.

### ***2.3. Câu hỏi nghiên cứu***

*Thứ nhất*, có các nghiên cứu nào về lĩnh vực kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số? Trong đó, các nghiên cứu có liên quan đã đạt được những kết quả nghiên cứu gì về hoàn thiện kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số? Khoảng trống nghiên cứu là gì?

*Thứ hai*, kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số bao gồm những nội dung nào? Nguyên tắc kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số là gì? Có những tiêu chí nào để đánh giá mức độ số hóa kiểm soát CTX NSNN qua KBNN? có những nhân tố nào ảnh hưởng đến kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số?

*Thứ ba*, trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ các quốc gia trên thế giới đã thực hiện đổi số đối với kiểm soát chi NSNN như thế nào và Việt Nam có thể rút ra những bài học kinh nghiệm nào cho kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số?

*Thứ tư*, với xu thế tất yếu của chuyển đổi số và việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức và thực hiện mô hình chính quyền 2 cấp, đặc biệt với những đột phá về thể chế của Luật NSNN năm 2025 có tác động như thế nào đến tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số? Thực trạng kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 như thế nào? Kết quả kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 có những kết quả đạt được, hạn chế gì và nguyên nhân nào dẫn đến những hạn chế đó?

*Thứ năm*, kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số

đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cần theo mục tiêu, quan điểm, định hướng như thế nào? Cần thực hiện những giải pháp nào để hoàn thiện kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045?

*Thứ sáu*, việc hoàn thiện kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số cần có những điều kiện gì?

### **3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án**

#### ***3.1. Mục tiêu nghiên cứu của luận án***

Xây dựng quan điểm, định hướng và đề xuất các giải pháp có cơ sở khoa học và thực tiễn, có tính khả thi cao nhằm hoàn thiện kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ở Việt Nam.

#### ***3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án***

*Thứ nhất*, tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến kiểm soát chi NSNN trong điều kiện chuyển đổi số.

*Thứ hai*, hệ thống hóa, phân tích làm rõ hơn lý luận cơ bản về kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số.

*Thứ ba*, nghiên cứu kinh nghiệm trong nước và quốc tế về kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số.

*Thứ tư*, tổng hợp, phân tích thực trạng và làm rõ những kết quả, hạn chế, nguyên nhân dẫn đến các hạn chế của thực trạng kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 ở Việt Nam.

*Thứ năm*, đề xuất mục tiêu, quan điểm, định hướng và hệ thống các giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ở Việt Nam.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án**

#### ***4.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án***

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận và thực tiễn về kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án**

*Phạm vi nội dung nghiên cứu:* Luận án tập trung nghiên cứu về lý luận và thực tiễn về thể chế, cơ chế chính sách, quy trình nghiệp vụ kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số ở Việt Nam theo ba nội dung: (1) Kiểm soát CKC thường xuyên; (2) Kiểm soát tạm ứng CTX NSNN; (3) Kiểm soát thanh toán CTX NSNN.

*Phạm vi không gian nghiên cứu:* Luận án nghiên cứu thực tiễn kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số ở Việt Nam, tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia về kiểm soát chi NSNN qua kho bạc trong điều kiện chuyển đổi số.

*Thời gian nghiên cứu:* Kinh nghiệm về kiểm soát chi NSNN của một số quốc gia trong điều kiện chuyển đổi số và thực tiễn về kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số trong giai đoạn 2021-2025. Mục tiêu, quan điểm, định hướng và các giải pháp hoàn thiện kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu của luận án**

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, trong suốt quá trình nghiên cứu, tác giả đã sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau: Phương pháp thống kê số liệu; Phương pháp phân tích, tổng hợp và tổng kết kinh nghiệm; Phương pháp thống kê lịch sử; Phương pháp so sánh; Phương pháp khảo sát, lấy ý kiến chuyên gia.

#### **6. Những đóng góp mới của luận án**

*Về lý luận:* Luận án hệ thống hóa, phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số ở Việt Nam như: khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, quy trình, những đặc trưng của kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số. Luận án xác định được các tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số. Trong đó, luận án chú trọng làm rõ quy trình, nội dung, công cụ và phương thức kiểm soát CTX NSNN qua KBNN

trong điều kiện chuyển đổi số.

*Về thực tiễn:* Thông qua tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế về kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số của một số quốc gia tiêu biểu, luận án đã rút ra các bài học kinh nghiệm cho kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số ở Việt Nam. Trên cơ sở thực trạng kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, luận án đã tổng hợp, phân tích, đánh giá và đưa ra các nhận xét, kết luận về những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân dẫn đến những hạn chế của thực trạng kiểm soát CTX NSNN qua KBNN theo các nội dung: kiểm soát CKC, kiểm soát tạm ứng CTX và kiểm soát thanh toán CTX NSNN qua KBNN gắn với yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số trong giai đoạn 2021-2025, thông qua các chỉ số định tính, định lượng mà tác giả đề xuất. Từ lý luận, thực trạng, kinh nghiệm, luận án đã đề xuất mục tiêu, quan điểm, định hướng hoàn thiện kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Các quan điểm, giải pháp và kiến nghị đề xuất nhằm hoàn thiện kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số có cơ sở khoa học về lý luận và thực tiễn, phù hợp với yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số ở Việt Nam.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục các công trình của tác giả đã công bố liên quan đến luận án, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, kết cấu của Luận án gồm 3 Chương:

- Chương 1. Lý luận và kinh nghiệm kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số;
- Chương 2. Thực trạng kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số ở Việt Nam;
- Chương 3. Hoàn thiện kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số ở Việt Nam.

## CHƯƠNG 1

# LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ

### 1.1. CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

### 1.2. KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ

#### 1.2.1. Khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số

##### *1.2.1.1. Khái niệm kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số*

Kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số là quá trình cơ quan KBNN thực hiện việc kiểm tra, xem xét đối với các khoản CTX NSNN của các đơn vị SDNS với quy trình kiểm soát chi tự động hóa dựa trên nền tảng công nghệ số và nền tảng dữ liệu số tập trung đảm bảo quản lý ngân sách nhà nước an toàn, hiệu quả theo thời gian thực.

##### *1.2.1.2. Đặc điểm kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số*

*Thứ nhất*, số hóa hồ sơ.

*Thứ hai*, số hóa quy trình.

*Thứ ba*, chia sẻ, liên thông dữ liệu số.

*Thứ tư*, giao dịch trực tuyến.

*Thứ năm*, kiểm soát chi dựa trên nền tảng số, dữ liệu số với quy trình tự động hóa và liên thông dữ liệu số.

*Thứ sáu*, tính minh bạch và thời gian thực.

##### *1.2.1.3. Nguyên tắc kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số*

##### *1.2.1.4. Công cụ kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua*

## ***Kho bạc Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số***

### ***1.2.1.5. Phương thức kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số***

*Một là, phương thức tiền kiểm.*

*Hai là, phương thức hậu kiểm.*

### **1.2.2. Quy trình và nội dung kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số**

#### ***1.2.2.1. Kiểm soát cam kết chi***

#### ***1.2.2.2. Kiểm soát tạm ứng***

#### ***1.2.2.3. Kiểm soát thanh toán***

### **1.2.3. Các tiêu chí đánh giá kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số**

### **1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số**

## **1.3. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM**

### **1.3.1. Kinh nghiệm quốc tế kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số**

#### **1.3.2. Bài học rút ra cho Việt Nam**

*Một là, đổi mới cơ chế kiểm soát và cải cách rút gọn TTHC*

*Hai là, tăng cường tính tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình của đơn vị SDNS*

*Bốn là, chú trọng an toàn bảo mật thông tin mạng trong kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số.*

*Năm là, hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số.*

*Sáu là, đẩy mạnh thanh toán điện tử không dùng tiền mặt*

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYÊN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM**

#### **2.1. KHÁI QUÁT VỀ KHO BẠC NHÀ NƯỚC VÀ THỰC TRẠNG CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYÊN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM**

##### **2.1.1. Khái quát về Kho bạc Nhà nước và bộ máy kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước**

###### *2.1.1.1. Khái quát về Kho bạc Nhà nước*

###### *2.1.1.2. Bộ máy kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước*

*Một là, giai đoạn trước 15/3/2025.*

*Hai là, giai đoạn từ 15/3/2025 đến nay.*

##### **2.1.2. Chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025**

#### **2.2. THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYÊN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

##### **2.2.1. Thực trạng quy định pháp lý về kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước**

###### **2.2.2 Thực trạng kiểm soát cam kết chi**

Các thủ tục hành chính CKC để kiểm soát các khoản chi tiêu ngân sách nhà nước thông qua Kho bạc Nhà nước không còn nhiều ý nghĩa trong thực tiễn; đồng thời, chúng bộc lộ một số hạn chế như: (i) Việc quản lý các khoản chi tiêu ngân sách nhà nước sau khi hợp đồng được ký kết không có ý nghĩa quan trọng trong việc hạn chế nghĩa vụ nợ ngân sách nhà nước; (ii) Khi điều chỉnh ngân sách hoặc hợp đồng, đơn vị sử dụng ngân sách phải điều chỉnh các khoản chi tiêu ngân sách

nhà nước, dẫn đến việc tạo ra các thủ tục hành chính; (iii) Việc giám sát và kiểm soát các khoản chi tiêu ngân sách nhà nước chỉ được thực hiện tại Kho bạc Nhà nước để phục vụ quá trình quản lý ngân sách nhà nước, làm tăng khối lượng công việc và làm chậm quá trình thanh toán các khoản chi tiêu ngân sách nhà nước; (iv) Việc thực hiện các khoản chi tiêu ngân sách nhà nước chỉ đáp ứng nhu cầu chi tiêu theo năm tài chính, và không dự báo nhu cầu chi tiêu đến một thời điểm cụ thể, do đó không phục vụ mục đích dự báo dòng tiền và quản lý ngân quỹ nhà nước.

**Bảng 2.2. Số dư CKC thường xuyên NSNN chuyển nguồn năm sau**

*DVT: Triệu đồng*

<b>Năm</b>	<b>Dư CKC chuyển nguồn năm sau</b>	<b>Dư CKC (Nguồn NSTW)</b>	<b>Dư CKC (Nguồn NSDP)</b>
2021	935.928	495.945	439.983
2022	913.816	441.459	472.357
2023	821.860	363.451	458.409
2024	388.642	136.002	252.640
2025	291.492	129.749	161.743
<b>Cộng</b>	<b>3.060.246</b>	<b>1.436.857</b>	<b>1.623.389</b>

*Nguồn: Báo cáo chi và trả nợ vay NSNN theo Mục lục NSNN của KBNN (Mẫu số B3-03/BC-NS/TABMIS)*

### **2.2.3. Thực trạng kiểm soát tạm ứng**

Quá trình thu hồi các khoản tạm ứng đôi khi bị chậm trễ do hệ thống TABMIS chưa hỗ trợ giao dịch viên theo dõi các khoản tạm ứng đã giải ngân từ tài khoản tiền gửi. Đây cũng là một hạn chế của hệ thống thông tin, đó là không hỗ trợ quản lý và theo dõi các khoản tạm ứng đã giải ngân từ tài khoản tiền gửi và cần được cải thiện khi phát triển VDBAS.

**Bảng 2.4. Số dư tạm ứng CTX NSNN qua KBNN chuyển sang năm sau***ĐVT: Tỷ đồng*

Năm	Số dư tạm ứng CTX	Số dư tạm ứng chi đầu tư công	Tổng số dư tạm ứng chi NSNN
2021	84.083	140.150	224.233
2022	71.265	185.540	256.805
2023	36.657	222.020	258.677
2024	13.402	238.894	252.296
2025	28.437	203.182	231.619
<b>Cộng</b>	<b>205.407</b>	<b>786.604</b>	<b>992.011</b>

*Nguồn: Báo cáo chi và trả nợ vay NSNN theo Mục lục NSNN của KBNN (Mẫu số B3-03/BC-NS/TABMIS)*

#### **2.2.4. Thực trạng kiểm soát thanh toán**

KBNN thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thanh toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 56 Luật NSNN số 83/2015/QH13; khoản 5 và điểm b khoản 8 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật NSNN; Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản CTX từ NSNN qua KBNN; tiếp đến là Thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14/03/2024 hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước.

**Bảng 2.5. Tỷ lệ giải ngân CTX qua KBNN so với dự toán CTX được giao**

Năm	Tổng số dự toán CTX NSNN qua KBNN (tỷ đồng)	CTX NSNN qua KBNN	
		Tổng số (tỷ đồng)	So với tổng dự toán (%)
2021	1.073.457	1.061.316	98,87
2022	1.111.194	1.034.250	93,10
2023	1.172.295	1.085.600	92,60

2024	1.259.631	1.190.300	94,50
2025	1.589.140	1.580.717	99,46

*Nguồn: Báo cáo chi và trả nợ vay NSNN theo Mục lục NSNN của KBNN (Mẫu số B3-03/BC-NS/TABMIS)*

Từ niên độ ngân sách năm 2026, KBNN thực hiện kiểm soát thanh toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 58 Luật NSNN số 89/2025/QH15 và văn bản hướng dẫn thi hành; với cải cách đột phá thực hiện cắt giảm hơn 80% TTHC, cụ thể rút gọn 21/25 TTHC theo Nghị định số 347/2025/NĐ-CP ngày 29/12/2025 quy định về TTHC thuộc lĩnh vực KBNN, nhằm đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh chuyển đổi số kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước

#### **2.2.5. Thực trạng chuyển đổi số trong kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước**

KBNN đã đẩy mạnh chuyển đổi số kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước, thực hiện thành công quy trình liên thông thanh toán đối với hồ sơ chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước thông qua việc kết nối liên thông 3 hệ thống thông tin của KBNN: DVCTT, TABMIS và hệ thống chương trình thanh toán điện tử với ngân hàng, đã góp phần chuẩn hóa dữ liệu hồ sơ chứng từ được số hóa ngay từ phía đơn vị sử dụng ngân sách, hoàn thiện quy trình kiểm soát chi điện tử hoàn chỉnh, hướng tới số hóa toàn bộ quy trình kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước.

#### **Bảng 2.10. Kết quả tiếp nhận, xử lý hồ sơ kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trên DVCTT toàn trình của KBNN tích hợp trên cổng DVC quốc gia**

*DVT: Hồ sơ*

<b>Năm</b>	<b>Hồ sơ quá hạn tiếp nhận</b>	<b>Hồ sơ quá hạn xử lý</b>	<b>Thông báo từ chối bởi GDV</b>	<b>Thông báo từ chối bởi Lãnh đạo kho bạc</b>	<b>Tổng hồ sơ qua DVCTT</b>
------------	--------------------------------	----------------------------	----------------------------------	---	-----------------------------

2021	564.216	79.968	533.048	61.900	20.447.030
2022	140.956	40.488	411.881	46.481	21.148.582
2023	47.442	27.288	306.161	44.652	28.672.710
2024	36.602	18.891	305.648	46.541	26.785.993
2025	35.748	13.260	355.029	49.356	24.771.340
<b>Cộng</b>	<b>824.964</b>	<b>179.895</b>	<b>1.911.767</b>	<b>248.930</b>	<b>121.825.655</b>

*Nguồn: Báo cáo thống kê tình hình tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên DVCTT toàn trình của KBNN hàng năm (2021-2025)*

### **2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

#### **2.3.1. Những kết quả đạt được**

#### **2.3.2. Những hạn chế tồn tại**

*Một là*, quy định CKC sau khi đơn vị SDNS ký hợp đồng là chưa phù hợp, quản lý CKC chưa gắn với trách nhiệm phải thực hiện theo dõi và thực hiện báo cáo của đơn vị SDNS.

*Hai là*, KBNN chưa chủ động kịp thời đôn đốc các đơn vị SDNS chấp hành đúng quy định thời hạn tạm ứng, hệ thống TABMIS chưa đáp ứng yêu cầu theo dõi, quản lý thời hạn thanh toán tạm ứng CTX NSNN qua KBNN.

*Ba là*, quy trình kiểm soát chi còn qua nhiều bước kiểm soát, còn tình trạng chậm xử lý hồ sơ kiểm soát thanh toán CTX NSNN qua KBNN.

*Bốn là*, quy trình thanh toán CTX NSNN qua KBNN chưa mở rộng triển khai thanh toán tự động cho các dịch vụ CTX khác của đơn vị SDNS.

#### **2.3.3. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế tồn tại**

##### **2.3.3.1. Nguyên nhân khách quan**

*Một là*, cơ chế, chính sách cho kiểm soát CTX NSNN qua KBNN còn nhiều hạn chế chưa thống nhất, chưa đảm bảo đầy đủ cơ sở hành lang pháp lý đáp ứng yêu cầu trong điều kiện chuyển đổi số

**Hai là**, nguyên nhân khách quan do KBNN chưa có chương trình ứng dụng phần mềm hỗ trợ công chức theo dõi, quản lý thanh toán tạm ứng cho đơn vị SDNS.

**Ba là**, nguyên nhân khách quan hiện nay dữ liệu CTX NSNN qua KBNN do các đơn vị SDNS gửi KBNN đa phần là dữ liệu được điện tử hóa từ bản giấy.

#### **2.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan**

**Một là**, nguyên nhân chủ quan chất lượng nguồn nhân lực số.

**Hai là**, nguyên nhân chủ quan KBNN chưa thực hiện mở rộng đối tượng ủy quyền thanh toán tự động.

**Ba là**, nguyên nhân chủ quan một số bộ, ngành, địa phương còn chưa chấp hành đúng thời hạn phân bổ và giao dự toán ngân sách theo quy định.

**Bốn là**, nguyên nhân chủ quan hạ tầng công nghệ và quy trình nghiệp vụ chưa được thực sự quan tâm đẩy mạnh chuyển đổi số.

**Năm là**, nguyên nhân chủ quan chưa thực sự đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát nội bộ KBNN

**Sáu là**, nguyên nhân chủ quan chưa tăng cường phối hợp.

### **CHƯƠNG 3**

## **HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM**

**3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHO BẠC NHÀ NƯỚC VÀ QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

**3.1.1. Định hướng phát triển Kho bạc Nhà nước năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

**3.1.2. Quan điểm và định hướng hoàn thiện kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

**3.1.2.1 Quan điểm**

**3.1.2.2. Định hướng**

**3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUA KHO BẠC NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

**3.2.1. Giải pháp tham mưu và đề xuất hoàn thiện cơ chế chính sách**

**3.2.1.1. Hoàn thiện cơ chế kiểm soát cam kết chi**

**3.2.1.2. Xây dựng và áp dụng khung quản lý rủi ro trong kiểm soát chi:**

**3.2.1.3. Sửa đổi đối với quy định pháp luật về một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023)**

**3.2.2. Giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước theo phương thức “hậu kiểm” thông**

qua hoạt động kiểm tra chuyên ngành chi NSNN qua KBNN dựa trên kết quả đánh giá chất lượng, phân loại rủi ro đơn vị SDNS giao dịch với KBNN

**3.2.2.1. Đề xuất xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, phân loại rủi ro đơn vị SDNS giao dịch với KBNN**

**3.2.2.2. Đề xuất hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy kiểm soát CTX NSNN qua**

**3.2.3. Giải pháp xây dựng hệ sinh thái kho bạc số cho kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước**

**3.2.3.1. Giải pháp số hóa từ nguồn đối với hồ sơ kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số ở Việt Nam**

*Một là*, số hóa hồ sơ kiểm soát CTX NSNN qua KBNN.

*Hai là*, số hóa quy trình kiểm soát CTX NSNN qua KBNN.

*Ba là*, giải pháp an toàn bảo mật, dự phòng rủi ro đảm bảo an toàn, nâng cao hiệu quả áp dụng điện tử hóa toàn bộ quy trình kiểm soát CTX NSNN qua KBNN, như sau:

**3.2.3.2. Giải pháp xây dựng kho lưu trữ số để lưu trữ, bảo quản và quản lý dữ liệu điện tử và hồ sơ tài liệu số hóa kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước**

**3.2.3.3. Giải pháp xây dựng nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu mở cho kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước**

**3.2.4. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực số cho kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số**

**3.2.5. Giải pháp bổ trợ khác**

*Thứ nhất*, triển khai thực hiện kiểm tra chuyên ngành sau chi (hậu kiểm) để kiểm tra việc thực hiện dự toán được giao và chấp hành điều kiện chi NSNN của đơn vị SDNS qua KBNN, đảm bảo nhiệm vụ kiểm soát chi tiếp tục được thực hiện xuyên suốt quá trình chi tại đơn vị SDNS.

*Thứ hai*, đẩy mạnh hoạt động giám sát từ xa các giao dịch điện tử phòng

ngừa rủi ro trong điều kiện giảm “tiền kiểm” khi thực hiện chuyển đổi số đơn giản quy trình kiểm soát CTX NSNN qua KBNN.

*Thứ ba*, phát triển chức năng kiểm toán nội bộ là cánh tay nối dài của Kiểm toán Nhà nước, giúp cho đơn vị SDNS nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý sử dụng vốn NSNN.

### **3.3. KIẾN NGHỊ**

#### **3.3.1. Kiến nghị với Chính phủ**

#### **3.3.2. Kiến nghị với Bộ Tài chính**

#### **3.3.3. Kiến nghị với chính quyền địa phương**

#### **3.3.4. Kiến nghị đối với các đơn vị dự toán**

## KẾT LUẬN

Trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ với xu hướng tất yếu chuyển đổi số như hiện nay, có thể khẳng định KBNN đã thực hiện tốt nhiệm vụ chuyển đổi số. Luận án đã bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi nghiên cứu và vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu để đánh giá thực trạng đề xuất hệ thống các giải pháp, luận án đã có những đóng góp sau đây:

*Thứ nhất*, về mặt lý luận, luận án hệ thống hóa, phân tích góp phần làm phong phú thêm một số vấn đề lý luận cơ bản về CTX NSNN và kiểm soát CTX NSNN qua KBNN như khái niệm, nguyên tắc, nội dung, quy trình, các tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số.

*Thứ hai*, luận án tổng kết kinh nghiệm về kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số của một số quốc gia; từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm cho hoàn thiện kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số ở Việt Nam.

*Thứ ba*, về mặt thực tiễn, luận án khái quát về kho bạc nhà nước và thực trạng chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số ở Việt Nam; trình bày thực trạng kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số ở Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025; luận án tổng hợp, phân tích đánh giá và rút ra một số kết luận về kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025.

*Thứ tư*, luận án trình bày định hướng phát triển Kho bạc Nhà nước năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và quan điểm và định hướng hoàn thiện kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đề xuất hệ thống các giải pháp và kiến nghị đảm bảo cho thực hiện tốt các giải pháp hoàn thiện kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều

kiện chuyển đổi số.

Với sự nghiêm túc và nỗ lực trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu, NCS hy vọng những giải pháp đề xuất phù hợp với thực tiễn và sẽ được xem xét vận dụng để hoàn thiện kiểm soát CTX NSNN qua KBNN trong điều kiện chuyển đổi số cho thời gian tới./.

## **DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Hoàng Thị Thu Khanh (2024), “*Kiểm soát, thanh toán các khoản chi NSNN qua KBNN trên nền tảng kho bạc số: Thực trạng và giải pháp*”, trang 14-18, tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, kỳ 1 - tháng 7 (số 267)-2024.

2. Hoàng Thị Thu Khanh (2024), “*Kiểm soát CTX trong Chiến lược phát triển KBNN đến năm 2030*”, trang 63-65, Tạp chí Tài chính, kỳ 1 - tháng 7/2024 (số 828)-2024.

3. Hoàng Thị Thu Khanh (2024), “*Giải pháp triển khai đánh giá, xếp hạng rủi ro đối với đơn vị SDNS trong quá trình giao dịch với KBNN*”, trang 9-13, tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, kỳ 1 - tháng 8 (số 269)-2024.

4. Phạm Thị Hoàng Phương và Hoàng Thị Thu Khanh (2024), “*Current status of digital state treasury development in Vietnam*”, trang 66-74, Sustainable economic development and business management in the context of globalization (SEDBM7), tháng 8, 2024.

5. Đỗ Đình Thu và Hoàng Thị Thu Khanh (2025), “*Kiểm soát CTX NSNN qua KBNN theo mô hình kho bạc điện tử tại Sở giao dịch KBNN*”, trang 14-18, tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, kỳ 1 - tháng 3 (số 283)-2025.

6. Hoàng Thị Thu Khanh (2025), “*Giải pháp triển khai thực hiện kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 trong điều kiện chuyển đổi số*”, trang 9-12, tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, kỳ 2 - tháng 12 (số 302)-2025.



